

Bản án số: 50/2024/HN&GD-ST
Ngày 06 - 9 - 2024
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HN&GD, ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, (tên gọi khác: Nguyễn Thị T), sinh năm 1975; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng K (tên gọi khác: Nguyễn Huy K), sinh năm 1970; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị T) và ông Nguyễn Đăng K (tên gọi khác là Nguyễn Huy K) có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Lắc (nay là xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông) vào ngày 20 tháng 12 năm 1999, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn bà T và ông K sống chung hạnh phúc với nhau khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/11/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/6/2005 hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh, không có vấn đề gì. Nay thấy

mục đích hôn nhân không có kết quả, kéo dài ảnh hưởng đến cả hai bên. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị T) yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đăng K (Nguyễn Huy K).

Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/11/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/6/2005 hiện đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt văn bản tố tụng cho mẹ anh K là bà Nguyễn Thị T, cam kết giao cho ông K. Tuy nhiên, ông K không chấp hành các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt, cũng không làm thủ tục xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, Điều 92, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T).

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Nguyễn Thị T) ly hôn với ông Nguyễn Đăng K (tên gọi khác: Nguyễn Huy K).

Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/11/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/6/2005 hiện đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Các vấn đề khác: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu kiến nghị khác phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngày 10/4/2024 bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đăng K. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Đăng K hiện đang cư trú tại Thôn Đ, xã H, huyện Đ. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Đăng K và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Nhưng ông K không đến Tòa án làm việc cũng không làm thủ tục xin xét xử vắng mặt. Trên cơ sở hợp lệ các văn bản tố tụng Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3]. Về hôn nhân: Tại giấy Chứng nhận kết hôn số 387, quyển số 01 đăng ký ngày 20 tháng 12 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông (nay là xã H, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông) tên các đương sự khai để kết hôn tên chồng là Nguyễn Huy K, sinh ngày 10/5/1973 và tên vợ là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/11/1975, lý do bà T trình bày khai như vậy là do không hiểu pháp luật nên khi đi khai kết hôn là khai theo tên thường gọi. Đồng thời, không hiểu được là sai sót này thì hai vợ chồng phải đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục thay đổi, cải chính tên tuổi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ căn cước công dân thì hiện nay tên chồng là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/4/1970, tên vợ là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/10/1975. Qua lấy lời khai của đương sự, xác minh tại Công an xã H, huyện Đ thì xác định các đương sự có họ tên trong giấy kết hôn và họ tên trong căn cước công dân là một người. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định các đương sự có nhân thân trên kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát, không hợp nhau, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện nay, theo yêu cầu của bà T và xác minh trình trạng hôn nhân thể hiện trình trạng hôn nhân của các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà T và ông K có con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/11/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/6/2005 hiện đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, Điều 92, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị T).

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị T) ly hôn với ông Nguyễn Đăng K (tên gọi khác: Nguyễn Huy K).

2.Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004102 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

